

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+P9+CTK3	7:25	7+15+0	0+0+0		3+16+3	0+0+0	
2		P2+BK4+TTCl	7:25	15+5+2	0+0+0		3+7+0	0+0+0	chuyen 10 bk4- TTCl
3		AMD+P10+CLO	7:25	4+18+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
4		BK5+BK10+MRM	7:25	3+15+4	0+0+0		0+4+17	0+0+0	chuyen 3 bk5- bk10
5		BK8+P9+TD1	9:25	5+17+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
6		PVD1+MRM	9:25	13+8	0+0		10+9	0+0	
7		RC4+RP1+PVD1	9:25	1+0+21	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 1 rc4- rp1
8		BK15+P11+BK3	11:25	7+9+3	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
9		P10+BK6+BK10	11:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	chuyen 1 bk6- bk10
10		P7+P5+P2	11:25	12+0+8	0+0+0		0+2+20	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Đi về trong ngày bk3-4ng, BK10-3ng, TD2 đi về qua P9



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2022	TO: BK3 - P9 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:43
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHU - LHai - TSON -	ETA: 09:25
TRANG-1		THU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	BK3				45	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	BK3					78	KH-THAC	Vietnamese
3	NHAM DIEN BIEN	BK3					69	NIPI	Vietnamese
4	PHAN NGOC QUYET	BK3	40	1	3		70	NIPI	Vietnamese
5	DO TUAN VIET	BK3	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI HAI HA	BK3	43	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CONG VINH	BK3	42	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TAM	P9	06	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN LINH	P9	18	1	6	30	69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC XUAN	P9	14-15	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN BA KY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH HOAI	P9	16-17	2	15		101	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NHAN	P9	11-12	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
14	VU NAM GIANG	P9	10	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LE LANG TU	P9	01	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TIEN PHUONG	P9	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUY	P9	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU TRI	P9	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN QUE	P9	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH HUY KHIEM	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THANH	P9	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN XUAN HUONG	P9	08-09	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	4	21	489	45	3		
2	P9	15	17	103	1.064	30	16		
3	CTK3	0	0	0	0	50	3		
TOTAL		22	21	124	1.553	125	22		
WEIGHT KG				124	1.553	125			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	TO: P2 - BK4 - TTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLin - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC DỤC	P2				70	72	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN CUONG	P2	22	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
3	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	26	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRI HAO	P2					69	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ CÔNG ANH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐỨC MINH	P2	21	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	20	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI HOANG TÂM	P2	27	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN ĐÔNG	P2	25	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THIÊN NAM	P2	30	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH QUAN	P2	28	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	29	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU LINH	P2	19	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN LONG	BK4	79	1	4	40	79	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ DUY KHANH	BK4	81	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔNG TRUNG HUY	BK4	98	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	82	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	80	1	5		69	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THẾ QUANG	TTC1	86-87	2	13	5	72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ MINH HOÀNG	TTC1	88	1	15	35	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	11	75	1.075	70	3		CHUYỂN 8 PAX TỪ BK4 SANG TTC1
2	BK4	5	5	37	360	40	10 + 8		
3	TTC1	2	3	28	147	40	0		
TOTAL		22	19	140	1.582	150	13		
WEIGHT KG				140	1.582	150			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

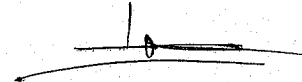
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: AMD - P10 - CLO	CREW: TUYỀN - VThắng - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THAI SON	AMD	54-55	2	14		55	XNCB	Vietnamese
2	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	53	1	8	60	60	XNCB	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆP THÀNH	AMD	52	1	10		85	XNCB	Vietnamese
4	HÀ MẠNH HOÀNG	AMD	56	1	6	30	74	XNCB	Vietnamese
5	HỒ NGỌC THANH	P10	88	1	5		57	PSV	Vietnamese
6	TAN MINH HUY	P10	80-81	2	15		70	NHA THAU	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG	P10	83-84	2	13		66	NHA THAU	Vietnamese
8	PHẠM THANH LONG	P10	82	1	6		60	NHA THAU	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HOÀNG	P10	85-86	2	15		64	NHA THAU	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	P10	74	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P10	73	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG DŨNG	P10	72	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	89	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	BADIKOV M.F.	P10	75	1	5		73	KH-THAC	Russian
15	HOÀNG SỸ NGỌC	P10	69	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THAO	P10	91	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	70-71	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUONG	P10	90	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	77-79	3	14		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	76	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	87	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	38	274	90	0		
2	P10	18	24	165	1,255	0	16		
3	CLO	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		22	29	203	1,529	110	22		
WEIGHT KG				203	1,529	110			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2022	TO: BK5 - BK10 - MRM	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - Nam - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG THANH	BK5	66-67	2	15	20	72	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK5	68	1	12	26	76	CODIEN	Vietnamese
3	LE VĂN LAM	BK10	70	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO HUU HUY TU	BK10					71	KH-THAC	Vietnamese
5	MIRSAYAPOV RUSLAN	BK10	96	1	5		105	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	68	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CHÂU NAM	BK10	72	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	79	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	71	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	BK10	74-75	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH THẮNG	BK10	80-81	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	HA THAI QUOC	BK10	76-78	3	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VĂN QUANG	BK10	88	1	11		79	XAYLAP	Vietnamese
14	LE TU KHA	BK10	26	1	10	44	90	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM THAI SƠN	BK10	86	1	10	12	85	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI CAO ĐỊNH	BK10	73	1	6		60	PSV	Vietnamese
17	NGO ĐỨC QUY	BK10	69	1	6		63	PSV	Vietnamese
18	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	62	1	8		89	AMNGR	Russian
19	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	60-61	2	15		86	AMNGR	Russian
20	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	63-64	2	15		95	AMNGR	Russian
21	KUCHMII EGOR	MRM	59	1	15		112	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	2	3	27	148	46	0+3		CHUYEN 3 PAX TU BK5-BK10 + 01 NB VU NGOC HOANG
2	BK10	15	18	131	1.093	56	4		
3	MRM	4	6	53	382	0	17		
TOTAL		21	27	211	1.623	102	21		
WEIGHT KG				211	1.623	102			

GRAND TOAL: 1.936 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: BK8 - P9 - TD1	CREW: Hạnh - VLinH - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NHƯ SÁNG	BK8	32	1	14	35	63	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN ĐẠT	BK8	30	1	15	15	63	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG THĂNG LONG	BK8	29	1	10	16	75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẦN NGỌC TUẤN ANH	BK8	24-25	2	15	7	65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẦN THANH HÙNG	BK8	86	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ TUẤN MẠNH	P9	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC ĐO	P9	41	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	35	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CÔNG THẮNG	P9	28	1	13		59	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG DUC HAI	P9	25	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	36	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THẾ NHÂN	P9	27	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TIỀN	P9	34	1	5		75	DVL	Vietnamese
14	ĐO THANH HAI	P9	37	1	8		67	DVL	Vietnamese
15	MAI HUY TỬ	P9	42	1	8		62	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT HỒ	P9	24	1	16		80	DVL	Vietnamese
17	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	P9	29	1	10	12	82	DVL	Vietnamese
18	PHẦN VINH TRƯỞNG	P9	22	1	10		69	DVL	Vietnamese
19	LÊ PHÚ PHÚC	P9	32	1	9		80	DVL	Vietnamese
20	TRƯỜNG MINH KHÁNH	P9	33	1	12		75	DVL	Vietnamese
21	PHẦN ĐẠI PHONG	P9	23	1	5		70	YTE	Vietnamese
22	NGO VĂN KIỂM	P9	38,40	2	12		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

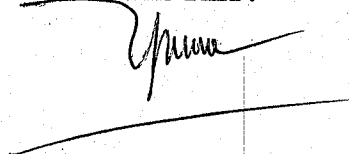
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	5	6	64	338	88	0		
2	P9	17	18	144	1.199	12	15		
3	TD1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	24	208	1.537	100	22		
WEIGHT KG				208	1.537	100			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	TO: PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYỀN - VThắng - DTùng	ETA: 11:25
CAM - 2			

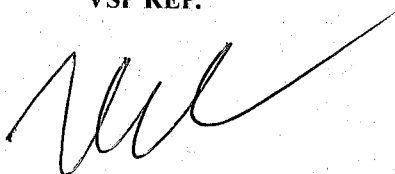
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LE	PVD1	71	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN TANG	PVD1	78	1	5		67	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANG	PVD1	66	1	5		75	PVD DD	Vietnamese
4	HUYNH VAN PHU	PVD1	65	1	4		74	PVD DD	Vietnamese
5	LE QUANG TIEN	PVD1	70	1	7		71	PVD DD	Vietnamese
6	LUU VAN LOI	PVD1	72-73	2	15		71	PVD	Vietnamese
7	NGUYEN VIET THANG	PVD1	68	1	4		70	PVD	Vietnamese
8	VO HUNG SON	PVD1	67	1	8		76	PVD	Vietnamese
9	HUYNH TAN DUYEN	PVD1	69	1	13		65	PVD	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANH	PVD1	74	1	6		69	PVD	Vietnamese
11	PHAN NGOC TUU	PVD1	64	1	8		60	PVD	Vietnamese
12	NGO THANH TRUNG	PVD1	75-76	2	12		72	SWI	Vietnamese
13	LU THANH TINH	PVD1	77	1	7		75	SWI	Vietnamese
14	SHCHETININ IVAN	MRM	86-89	2	14		80	AMNGR	Russian
15	SHEVELEV ALEKSEI	MRM	83-84	2	16		108	AMNGR	Russian
16	SIANOV ALEKSANDR	MRM	82	1	17		90	AMNGR	Russian
17	SHLYK VLADIMIR	MRM	93-94	2	20		97	AMNGR	Russian
18	ZASTAVNYI VASILII	MRM	85	1	17		76	AMNGR	Russian
19	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	87-88	2	20		82	AMNGR	Russian
20	BEKESHEV TROLBEK	MRM	91-92	2	20		67	AMNGR	Russian
21	PHAN DINH GIAP	MRM	90	1	12		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

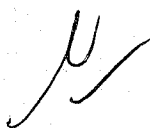
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	13	15	102	920	0	10		
2	MRM	8	13	136	684	0	9		
TOTAL		21	28	238	1.604	0	19		
WEIGHT KG				238	1.604	0			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: RC4 - RP1 - PVD1	CREW: Dương - Nam - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

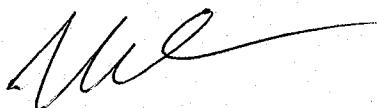
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU TIEN BINH	RC4	66	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THAI SON	PVD1	68	1	10		75	SWI	Vietnamese
3	TRAN VAN LUC	PVD1	66	1	7		82	SWI	Vietnamese
4	NGUYEN MINH VUONG	PVD1	76	1	4		60	PSV	Vietnamese
5	TRAN TU LONG	PVD1	75	1	3		65	PSV	Vietnamese
6	LE TAT VINH	PVD1	77	1	5		74	PSV	Vietnamese
7	PHAM VAN HUYEN	PVD1	80-81	2	16		63	PVD INVE	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC HUNG	PVD1	69	1	3		78	PVD	Vietnamese
9	DUONG MANH QUYET	PVD1	64	1	12		92	PVD WS	Vietnamese
10	HO MINH TRINH	PVD1	65	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
11	BUI QUANG TUYNH	PVD1	86	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TRUNG	PVD1	82	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
13	LAI CAO THANH	PVD1	83	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
14	MAI THE HIEN	PVD1	84	1	11		81	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN XUAN THUY	PVD1	67	1	10		65	DVL	Vietnamese
16	VO HUU NHAN	PVD1	74	1	8		60	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN THO	PVD1	72-73	2	15		70	DVL	Vietnamese
18	TRUONG NHAT QUANG	PVD1	70-71	2	15		78	DVL	Vietnamese
19	NGO THANH SON	PVD1	87	1	8	45	75	DVL	Vietnamese
20	LA QUY DANH	PVD1	88	1	8		66	DVL	Vietnamese
21	TRAN DAI HUNG	PVD1	85	1	5		72	DVL	Vietnamese
22	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	78-79	2	12		85	PVD DD	British

FLIGHT PLAN

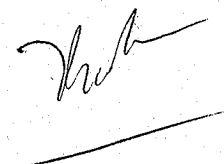
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	1	1	10	71	0	0		CHUYEN 1 PAX RC4 SANG RP1
2	RP1	0	0	0	0	15	0		
3	PVD1	21	25	190	1.505	45	21		
TOTAL		22	26	200	1.576	60	21		
WEIGHT KG				200	1.576	60			

GRAND TOTAL: 1.836 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	TO: BK15 - P11 - BK3	CREW: Phong - MTHAO - Huy	ETA: 13:30
trăng -3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HUÂN	BK15	57	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET ANH	BK15	55	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VOEVODCHENKOV NIKOLAY	BK15	61	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	LƯU TIÊN THANH	BK15	58	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH CÔNG	BK15	56	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	59	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	60	1	10		80	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAI	P11	89	1	7	30	60	KH-THAC	Vietnamese
9	LUƠNG VĂN LUƠNG	P11	86	1	20		95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH LỘC	P11	93	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KIM THẠCH	P11	91-92	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG BẢNG	P11	84	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	88	1	4	14	64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	P11	87	1	3		70	PSV	Vietnamese
15	NGO VAN AI	P11	90	1	4		60	PSV	Vietnamese
16	TRƯỜNG VĂN TOÀN	P11	85	1	6		58	PSV	Vietnamese
17	BUI TRẦN VIỆT	BK3	48	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC HUNG	BK3	47	1	11	12	99	T-TIN	Vietnamese
19	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	49	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	7	7	45	529	20	6		
2	P11	9	10	70	622	44	8		
3	BK3	3	3	23	224	12	8		
TOTAL		19	20	138	1.375	76	22		
WEIGHT KG				138	1.375	76			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2022	TO: P10 - BK6 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - HIẾU	ETA: 13:35
DO - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HAI HÀ	P10	43-44	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	49	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC ANH	P10	62	1	3	11	75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ PHƯƠNG HUƠNG	P10	38	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN BAO TOÀN	P10	52	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	45	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	SHEPNIKOV V.	P10	61	1	10		93	KH-THAC	Russian
10	PHẠM HỒNG QUY	P10	50	1	10		72	DVL	Vietnamese
11	VŨ TRƯỞNG GIANG	P10	57	1	12		70	DVL	Vietnamese
12	ĐINH VĂN ĐÔNG	P10	51	1	12		60	DVL	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH HUƠNG	P10	55-56	2	12		61	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH THẢO	P10	54	1	18		69	DVL	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐẠM	P10	58	1	11		68	DVL	Vietnamese
16	ĐOÀN PHÚC HOANG	P10	59-60	2	15		70	DVL	Vietnamese
17	LÊ VĂN NHÂN	P10	39-40	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN PHÚ	P10	63-64	2	20		75	YTE	Vietnamese
19	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	46	1	5		57	PSV	Vietnamese
20	HOANG TRUNG ĐỨC	P10	47	1	7		74	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUÂN VIỆT	P10	41	1	10		90	DK9	Vietnamese
22	DƯƠNG QUỐC VIỆT	P10	48	1	10		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	27	219	1.587	11	18		CHUYỂN 1 PAX BK6-BK10
2	BK6	0	0	0	0	0	0	1	
3	BK10	0	0	0	0	55	4		
TOTAL		22	27	219	1.587	66	22		
WEIGHT KG				219	1.587	66			

GRAND TOTAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:58
FLIGHT: 10	TO: P7 - P5 - P2	CREW: Phong - MThao - Huy	ETA: 13:40
CAM3			

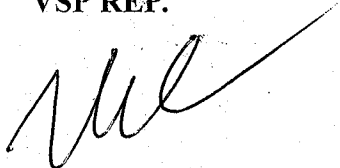
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG HỮU THUẬN	P7	74	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THANH	P7	45	1	7	15	84	CODIEN	Vietnamese
3	HÀN TRÍCH GIANG	P7	72	1	8	15	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P7	78	1	10	10	81	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ HỘI	P7	82	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	LA KHẮC HAO	P7	47-48	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỒNG VĂN THUY	P7	46	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM HÀ	P7	76-77	2	15	10	70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC QUANG	P7	80	1	12	13	63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ANH HIỆP	P7	49	1	5	17	72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC THUẬN	P7	71	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN LƯU	P7	75	1	5		52	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG CẨM	P2	62	1	5	80	75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	64	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	63	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUANG DUY	P2	57-58	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P2	55-56	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	61	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P2	59-60	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VĂN	P2	52	1	10		71	PSV	Vietnamese
21	LE DUC HUY	P2	53-54	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

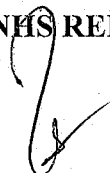
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	14	126	829	80	0		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
3	P2	9	13	90	664	80	20		
TOTAL		21	27	216	1.493	160	22		
WEIGHT KG				216	1.493	160			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

